



ARCHIMEDES

HƯỚNG DẪN HỌC

TIẾNG VIỆT

LỚP

2

Quyển 2



LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2020

TUẦN 10: ÔNG BÀ

TẬP ĐỌC “Sáng kiến của bé Hà” (Theo Hồ Phương)

“Bưu thiếp”

KỂ CHUYỆN “Sáng kiến của bé Hà”

CHÍNH TẢ Tập chép, nghe – viết

Phân biệt c/k, l/n, dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Điền vào chỗ trống:

a. **c hay k:**

– _____ “_____on _____iến mà leo _____ành đã _____

Leo phải _____ành _____ộc leo ra leo vào

_____on _____iến mà leo _____ành đào

Leo phải cành _____ộc leo vào leo ra.”

(Ca dao)

– Lúc đang mơ, _____on chưa _____íp tìm thấy thì mẹ đã gọi _____on dậy rồi.

– Ở lớp _____ũng như ở nhà, bé Hà được _____oi là một _____ây sáng _____iến.

b. **l hay n:**

– Bố khẽ _____ói vào tai Hà điều gì đó.

– Ngày 8 tháng 3 hằng _____ăm _____à ngày Quốc tế Phụ _____ữ.

– Nhớ bà, An ngồi _____ặng _____ẽ.

c. **d, r hay gi:**

– Suối chảy _____óc _____ách.

– Nụ cười _____ạng _____ỡ.

– Sức khỏe _____ẻo _____ai.

– Bầy thú _____ành _____ặt từng miếng mồi.

Bài 2. Gạch dưới các từ viết sai chính tả rồi sửa lại:

leo lúi cần cù non lột cái kéo như luyến

lơm nốp kết tóc kênh kiệu nô nức lẫn nóc



LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về họ hàng)

Dấu chấm, dấu chấm hỏi

I. Kiến thức

– Dấu chấm đứng cuối câu, dùng để kết thúc một câu kể.

Ví dụ: “Chúng em đang học môn Tiếng Việt.”

– Dấu chấm hỏi đứng cuối câu, dùng để kết thúc một câu hỏi.

Ví dụ: “Cuối tuần này, cậu có ở nhà không?”

II. Bài tập

Bài 1. Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thích hợp vào () trong đoạn trích sau:

“Thời gian trôi qua và người đàn ông lại gọi con gái của mình:

– Đã đi được chưa con ()

An lại nài nỉ:

– Chỉ năm phút nữa thôi mà bố () Cho con năm phút thôi mà ()

Người đàn ông lại mỉm cười và nói:

– Được rồi ()

– Ông đúng là một con người kiên nhẫn () – Người phụ nữ nói.”

Bài 2. Điền các dấu câu cho thích hợp vào () trong đoạn trích sau:

“Trong khu vườn nọ có các bạn Kiến () Ong () Bướm () Chuồn Chuồn () Chim Sâu chơi với nhau rất thân () Sẻ cũng sống ở đó nhưng nó tự cho mình là thông minh () tài giỏi () hiểu biết hơn cả nên không muốn làm bạn với ai trong vườn mà chỉ kết bạn với Quạ ()

Bài 3. Gạch dưới những từ chỉ người trong gia đình, họ hàng:

nông dân, bác sĩ, bà, học sinh, mẹ, công an, con cái, em trai, dạy dỗ, giáo sư,

ông ngoại, bà nội, công nhân, bác, cô, chú, dì

Bài 4. Điền từ thích hợp vào chỗ trống (theo mẫu):

M: Em gọi em gái của mẹ là “dì”.

a. Em gọi em trai của mẹ là _____

b. Em gọi em trai của bố là _____

c. Em gọi anh trai của bố là _____

d. Em gọi chị gái của mẹ là _____

PHIẾU CUỐI TUẦN 10

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Bà nội

“Cũng như bao đứa trẻ khác cùng làng, tôi lớn lên với hương lúa chín của làng quê nhỏ bé miền trung du. Tuổi thơ của tôi là bà nội, là những bông hoa gạo rực lửa đốt cháy cả dòng sông lạnh ngắt. Những đêm đông, tôi thiếp đi trong hương trầu thơm nồng, trong câu chuyện cổ tích ngày xưa ngày xưa bà kể. Những tối hè nằm trên chiếc chõng tre, tiếng ru của bà cùng tiếng gió từ chiếc quạt nan đưa tôi vào giấc ngủ. Tất cả cứ thế bình lặng và yên ả trôi theo tiếng thở của thời gian. Và cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi trong trí óc non nớt của tôi, bà là tất cả. Hoàng hôn bao trùm mọi cảnh vật, tất cả thật yên ắng, chỉ còn lại khúc đồng ca xào xạc của rừng lau.”

(Suu tâm)

1. Bạn nhỏ sinh ra và lớn lên ở vùng nào?

a. miền trung du

b. miền đồng bằng

c. miền biển

2. Tuổi thơ của bạn nhỏ là gì?

a. là ông nội, là những bông hoa gạo, những câu chuyện cổ tích, tiếng ru của bà cùng tiếng gió của chiếc quạt cây

b. là bà nội, là những bông hoa gạo, tiếng ru của bà

c. là bà nội, là những bông hoa gạo, những câu chuyện cổ tích, tiếng ru của bà cùng tiếng gió từ chiếc quạt nan

3. Trong tâm trí non nớt của bạn nhỏ có điều gì đặc biệt?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Khi hoàng hôn buông xuống, bạn nhỏ cảm nhận được điều gì?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5. Qua đoạn trích trên, em cảm nhận được tình cảm của hai bà cháu như thế nào?

II. Bài tập

Bài 1. Xếp các từ ngữ sau theo 4 chủ đề và điền vào bảng thích hợp:

học bài, thân thiết, đoàn kết, sách vở, thước kẻ, dạy dỗ, tiến bộ, học hỏi,
ngoan ngoãn, giúp đỡ, bút chì, cặp sách, bảo ban, giảng bài, nô đùa

Học sinh	Bạn bè	Thầy cô	Đồ dùng học tập
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____

Bài 2. Gạch dưới những từ chỉ người trong gia đình, họ hàng:

“Nghỉ hè, Nam được bố cho về thăm quê. Ở quê, ngoài ông bà nội còn có nhiều cô, dì, chú, bác. Chỉ cần thấy bố con Nam về là mọi người sẽ kéo sang nhà hỏi thăm ríu rít. Ai cũng chân tình, mộc mạc. Nam thích được sang nhà bác Dĩnh, là anh họ của bố để nghe bác kể chuyện chiến đấu ở miền Nam.”

Bài 3. Tìm các từ chỉ họ hàng theo gợi ý sau:

- Chỉ người là vợ của em trai bố: _____
- Chỉ người là vợ của em trai mẹ: _____
- Chỉ người là em gái của bố: _____
- Chỉ người là em gái của mẹ: _____



TUẦN 11: ÔNG BÀ

TẬP ĐỌC

“Bà cháu” (Theo Trần Hoài Dương)

“Cây xoài của ông em” (Theo Đoàn Giỏi)

KỂ CHUYỆN

“Bà cháu”

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt g/gh, s/x, ươn/ương

Bài 1. Điền vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

a. **g** hay **gh**:

nhà ___ a ___ i nhớ con ___ à ___ ế ___ ỡ

viên ___ ạch tấm ___ ương ___ é thăm ___ ánh nước

cổ ___ ảng ___ ập ___ ỡ ___ i chép bàn ___ ế

xôi ___ ắc ___ ỏ ___ ể ___ ép vẫn ___ ọng kính

b. **ươn** hoặc **ương**:

khu v ___ s ___ núi tr ___ học l ___ thực

con l ___ Tr ___ Sơn m ___ mượt ngang b ___

Bài 2. Chọn các tiếng “lượn”, “lượng”, “vương”, “vươn” điền vào chỗ trống thích hợp:

___ lơ thương ___ ___ vòng trọng ___

___ vãi ___ lên ___ miện ___ mình

Bài 3. Tìm từ theo yêu cầu:

- Từ chứa tiếng có vần “ươn” chỉ con vật:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- Từ chứa tiếng có vần “ương” chỉ hành động:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về đồ dùng và công việc trong nhà)**Bài 1.** Điền dấu câu thích hợp vào () trong đoạn trích sau:

"Có một cậu bé lười học nên không biết chữ () Thấy nhiều người khi đọc sách phải đeo kính () cậu tưởng rằng cứ đeo kính thì đọc được sách () Một hôm () cậu vào một cửa hàng để mua kính () Cậu giở một cuốn sách ra đọc thử () Cậu thử đến năm bảy chiếc kính khác nhau mà vẫn không đọc được () Bác bán kính thấy thế liền hỏi: "Hay là cháu không biết đọc ()" Cậu bé ngạc nhiên: "Nếu cháu mà biết đọc thì cháu còn phải mua kính làm gì ()".

Bài 2. Khoanh vào các từ ngữ chỉ công việc gia đình:

tặng hoa	cưỡi ngựa	xem phim	đọc truyện
tưới cây	trông em	nấu cơm	rửa bát
quét nhà	học bài	đi chợ	nghe nhạc

Bài 3. Đặt câu với mỗi từ sau: "tủ lạnh", "cái đĩa", "ấm nước", "cái chổi".

Bài 4. Gạch dưới những từ ngữ chỉ các công việc mà bạn nhỏ đã làm:

- a. "Bé ngồi luồn chỉ
Cho bà ngồi khâu."
- b. "Cô giáo dạy cháu về nhà
Ăn xong nhớ lấy cho bà cái tắm."
- c. "Em múa cho bé xem
Vỗng đu cho bé thích.
Lúc nào bé đòi nghịch
Em lấy cho đồ chơi.
Lúc nào bé ngủ rồi
Em buông màn cho bé."

Bài 5. Gạch dưới những từ chỉ việc nhà có trong đoạn thơ sau:

“Khi mẹ vắng nhà, em luộc khoai
Khi mẹ vắng nhà, em cùng chị giã gạo
Khi mẹ vắng nhà, em thối cơm
Khi mẹ vắng nhà, em nhổ cỏ vườn
Khi mẹ vắng nhà, em quét sân và quét cổng.”

(Trích “Khi mẹ vắng nhà” – Trần Đăng Khoa)

Em thấy bạn nhỏ trong đoạn thơ có những đức tính nào đáng quý?

Bài 6. Viết 2 câu kể lại những việc em thường giúp mẹ ở nhà.

TẬP LÀM VĂN

Viết khoảng 5 câu kể về một người bạn học cùng lớp của em.

PHIẾU CUỐI TUẦN 11

I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Hòn đá nhẵn

“Hồi học lớp một, tôi hay bị ba mẹ mắng chỉ vì thích chơi không chịu học, không chịu vào “khuôn phép”. “Tại sao người lớn lại cứ ép trẻ con phải làm những việc mà chúng không thích? Ba mẹ chắc không yêu mình nên mới chẳng cho mình chơi.” Tôi nghĩ thế nên rất buồn và giận ba mẹ.

Một lần, bị ba mẹ mắng, tôi đã chạy đến nhà bà nội. Biết chuyện của tôi, bà không nói gì mà dẫn tôi đi dạo bên bờ suối. Tôi bắt đầu tìm những viên đá, chọn kĩ lưỡng, tìm được một viên cuội tuyệt đẹp, nhẵn bóng như một viên bi.

- Nó tuyệt đẹp phải không nội?
- Ừ, đẹp thật. Sao con không nhặt đá ở bờ suối mà lại mất công tìm dưới nước?
- Vì đá trên bờ đều thô ráp ạ.
- Con có biết vì sao viên cuội ở dòng suối lại được nhẵn như vậy không?

Mừng rỡ vì biết rõ câu trả lời, tôi nói ngay:

- Nhờ nước ạ!
- Đúng, nước chảy đá mòn. Nhờ có nước và viên đá cọ xát vào nhau mà những chỗ gồ ghề, thô ráp biến mất. Lúc này viên đá mới đẹp. Hãy nghĩ ba mẹ con giống như dòng nước. Một ngày nào đó khi con nên người, con sẽ hiểu nhờ đâu con được như thế.”

(Theo Oan-cơ Mit-đơ)

1. Khi bị ba mẹ mắng, bạn nhỏ đã nghĩ gì?

- a. Tại sao người lớn lại cứ ép trẻ con phải làm những việc mà chúng không thích?
- b. Ba mẹ chắc không yêu mình nên mới chẳng cho mình chơi.
- c. Cả a và b đều đúng.

2. Khi đi dạo bên bờ suối, bạn nhỏ đã tìm thấy gì?

- a. một viên cuội tuyệt đẹp, nhẵn bóng như một viên bi
- b. những viên đá
- c. một viên bi

3. Vì sao viên cuội ở dòng suối lại được nhẵn như vậy?

- a. vì viên cuội ở dưới nước
- b. nhờ những viên đá cọ xát vào nhau
- c. nhờ có nước và viên đá cọ xát vào nhau mà những chỗ gồ ghề, thô ráp biến mất.

4. Câu chuyện trên cho chúng ta bài học gì?

- Muốn tìm những viên đá đẹp phải lội xuống suối.
- Con người phải được rèn luyện mới trưởng thành.
- Đá muốn trở nên đẹp phải cần nhiều thời gian.

II. Bài tập

Bài 1. Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp điền vào chỗ trống:

a. Tìm 3 từ chỉ hoạt động làm sạch nhà cửa mà em đã làm để giúp đỡ bố mẹ.

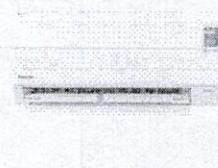
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Đặt câu với mỗi từ vừa tìm được.

Bài 2. Nhìn tranh điền tên đồ vật và nối theo mẫu để nói đúng tác dụng của đồ vật:



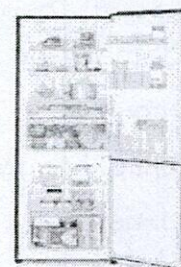
Dùng để ủi phẳng quần áo



Dùng để làm mát hoặc làm ấm



Giữ thực phẩm luôn tươi ngon



Giúp làm sạch nhà cửa



Dùng để cắm hoa

Dùng để làm sạch, giặt sạch quần áo



TUẦN 12: CHA MẸ**TẬP ĐỌC**

"Sự tích cây vú sữa" (Theo Ngọc Châu)

"Mẹ" (Trần Quốc Minh)

KỂ CHUYỆN

"Sự tích cây vú sữa"

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt ng/ngh, tr/ch, r/d/gi, at/ac, iê/yê/ya, dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Điền vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):a. **ch** hay **tr**:

___ẻ tre

___ung thủy

___ập ___ờn

___ê ___ách

đồng ___o

___ách nhiệm

cá ___ê

giò ___ả

___ương ___ình

b. **ng** hay **ngh**:

___ênh ___ang

___ờ ___ệch

con ___õng

___óc ___ách

___ô ___ê

cây ___ô

___ằm ___ĩ

___ỉ hê

___ỉ ___ơi

c. **r, d** hay **gi**:

___ây mơ ___ể má.

___eo ___ó gặt bão.

___út ___ây động ___ừng.

___ãi ___ó ___ầm mưa.

___ấy trắng mực đen.

___ối ___ít tít mù.

Bài 2. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc điền vào chỗ trống:

a. Gặp bác _____ (chiều, triều) ấy, tôi thấy bác rất vui. Bác tặng tôi hai con giống, rồi kể: "Hôm nay, bác bán hết nhả hàng."

b. Con gà _____ (ngủ, nghủ) dưới gốc cây _____ (ngô, ngò).

c. _____ (lửa, lữa) gần rơm lâu ngày cũng bén.

d. _____ (yếu, iểu) điệu thực _____ (nữ, nử).

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về tình cảm)

Dấu phẩy

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước nhóm chỉ gồm các từ chỉ tình cảm:

- a. yêu thương, kính trọng, che chắn
- b. hạnh phúc, mừng rỡ, vui chơi
- c. yêu thương, kính trọng, mến yêu
- d. tươi vui, yêu thương, nhìn ngắm

Bài 2. Gạch dưới những từ chỉ tình cảm trong các câu sau:

- a. Những ả của kênh cũng giương đôi mắt lỗi, âu yếm ngó theo.
- b. Bàn tay của mẹ chứa đầy dịu dàng, trìu mến, thương yêu.
- c. Ở lớp, ai cũng quý mến em.
- d. Chúng em luôn kính trọng và biết ơn thầy cô giáo.

Bài 3. Điền các từ: "hiền", "kính", "nâng", "em" vào chỗ trống để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ, ca dao nói về tình cảm gia đình:

- a. Trên _____ dưới nhường.
- b. Chị ngã em _____.
- c. Con _____ cháu thảo.
- d. _____ "Anh _____ như thể tay chân
Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần."

Bài 4. Khoanh vào dấu phẩy dùng sai vị trí và sửa lại:

- a. Thưa cô giấỵ không nói, được đầu ạ!
- b. Chú vộị bỏ mũ lễ phép chào, thầy.
- c. Ngày, xưa ở làng kia, có hai em bé ở với bà.

Bài 5. Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu sau:

- a. Người thứ nhất bỏ mặc bạn chạy trốn trèo tót lên cây.
- b. Cô giáo chúng em rất yêu thương quý mến học sinh.
- c. Chúng em luôn kính trọng biết ơn các thầy giáo cô giáo.

PHIẾU CUỐI TUẦN 12

I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu chuyện về quả cam

"Gia đình nọ có hai đứa con. Một hôm, người cha làm vườn thấy một quả cam chín. Ông hái đem về cho cậu con trai nhỏ.

– Con ăn đi cho chóng lớn!

Cậu bé cầm quả cam thích thú: "Chắc ngon và ngọt lắm đây". Bỗng cậu nhớ đến chị: "Chị ấy đang làm cỏ, chắc rất mệt".

Cậu đem quả cam tặng chị. Người chị cảm ơn em và nghĩ: "Mẹ đang cuốc đất, chắc là khát nước lắm". Rồi cô mang tặng mẹ. Người mẹ sung sướng nói:

– Con gái tôi ngoan quá!

Nhưng người mẹ cũng không ăn mà để phần người chồng làm lụng vất vả.

Buổi tối, nhìn quả cam trên bàn, người cha xoa đầu các con âu yếm. Sau đó, ông bổ quả cam thành bốn phần để cả nhà cùng ăn."

(Theo Lê Sơn)

1. Quả cam chín do người cha hái đã lần lượt được tặng cho ai?
 - a. cậu con trai, người mẹ, người chị, người cha
 - b. cậu con trai, người chị, người mẹ, người cha
 - c. cậu con trai, người mẹ, người cha, người chị
2. Vì sao khi được cha cho quả cam chín, cậu con trai không ăn?
 - a. Vì cậu nghĩ đến bố làm lụng vất vả, cần uống nước.
 - b. Vì cậu nghĩ đến mẹ đang cuốc đất, rất khát nước.
 - c. Vì cậu nghĩ đến chị đang làm cỏ, chắc rất mệt.
3. Câu chuyện ca ngợi lòng tốt của những ai?
 - a. người cha, người mẹ
 - b. cha, mẹ và hai con
 - c. cha và hai con
4. Câu chuyện khuyên ta điều gì?
 - a. biết quan tâm, chia sẻ và yêu thương những người thân của mình
 - b. biết giúp đỡ bố mẹ
 - c. biết đỡ đần anh chị em

II. Bài tập

Bài 1. Chọn từ thích hợp để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ:

“kính”, “yêu”, “thảo”, “thương”

- a. _____ già yêu trẻ.
- b. _____ người như thể thương thân.
- c. Con hiền cháu _____.
- d. Cha mẹ _____ con bằng trời, bằng bể.

Bài 2. Gạch dưới các từ dùng chưa phù hợp trong mỗi câu sau. Tìm từ thích hợp để thay thế.

a. Ông bà thân mến!	
b. Ông bà rất kính mến các cháu.	
c. Em rất kính trọng bạn bè.	
d. Cô giáo rất kính yêu, quý mến học sinh.	

Bài 3. Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong mỗi câu sau:

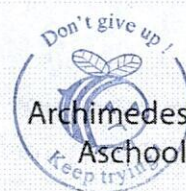
- a. Bạn Lan bạn Huệ đều học giỏi.
- b. Ông bà cha mẹ là những người Nam yêu quý nhất.
- c. Hoa đào hoa mai là hai loài hoa nở vào mùa xuân.
- d. Chim sẻ chim ri hót vang cả khu vườn.
- e. Mẹ mua cho Tuấn đầy đủ sách vở quần áo để đến trường.
- f. Con cái phải ngoan ngoãn chăm chỉ và vâng lời cha mẹ.

Bài 4. Gạch một gạch dưới từ chỉ sự vật, hai gạch dưới từ chỉ hoạt động, trạng thái và giải câu đố:

“Một mẹ thường có sáu con

Yêu thương mẹ sẽ nước non vui đầy.”

(Là cái gì?) _____



PHIẾU ÔN SỐ 3

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Cơn giông

“Gió bắt đầu thổi mạnh. Bỗng cơn giông ùn ùn thổi tới. Mây ở đâu dưới rừng xa ùn lên đen sì như núi, bao trùm gần kín cả bầu trời. Sóng bắt đầu gào thét, chồm lên tung bọt trắng xoá. Gió càng thổi mạnh, ầm ầm, ù ù. Cây đa cổ thụ cành lá rậm xùm xoà đang quăn lên, vặn xuống. Trời mỗi lúc một sầm lại. Vũ trụ quay cuồng trong cơn mưa gió mãnh liệt. Những tia chớp xé rách bầu trời đen kịt, phát ra những tiếng nổ kinh thiên động địa. Một lúc sau gió dịu dần, mưa tạnh hẳn. Trên ngọn đa, mấy con chim chào mào xôn xao chuyển cành nhảy nhót, hót líu lo. Nắng vàng màu da chanh phủ lên cây một thứ ánh sáng dịu mát, trong suốt, lung linh.”

(Theo Đoàn Giỏi)

1. Đoạn trích miêu tả thời điểm nào của cơn giông?

- a. trong cơn giông
- b. bắt đầu cơn giông đến lúc hết giông
- c. sau cơn giông

2. Dấu hiệu nào cho thấy cơn giông rất lớn?

- a. Gió thổi mạnh, sóng chồm lên, cây cối quăn lên, vặn xuống, sấm sét vang trời.
- b. Vũ trụ quay cuồng.
- c. Cả a và b đều đúng.

3. Khi cơn mưa tạnh hẳn, nắng có màu gì?

- a. vàng tươi
- b. vàng rực
- c. vàng da chanh

4. Trên ngọn đa, mấy chú chim chào mào làm gì?

- a. thi nhau chuyển cành
- b. xôn xao chuyển cành nhảy nhót, hót líu lo
- c. cùng nhau đi kiếm mồi

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới các từ ngữ không chỉ công việc gia đình trong mỗi dãy từ sau:

- a. rửa bát, quét nhà, giặt quần áo, tắm rửa
- b. thổi cơm, luộc rau, quét sân, vẽ tranh
- c. rửa cốc chén, cho gà ăn, múa hát, lau bàn ghế
- d. quét sân, dọn vườn, lau nhà, thả diều

Bài 2. Khoanh vào chữ cái trước những câu kiểu “Ai làm gì?”:

- a. Bác sĩ khám bệnh cho bệnh nhân.
- b. Chiếc áo này là món quà mẹ đã tặng em vào dịp sinh nhật.
- c. Buổi tối, trước khi đi ngủ, mẹ thường kể chuyện cho chúng em nghe.
- d. Chú Sơn là người xây bể nước cho nhà em.

Bài 3. Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp điền vào chỗ trống:

- a. Khi em bé khóc, anh phải _____ em bé.
- b. Mẹ _____ em bé ngủ.
- c. Em bé ngã, chị _____ em bé dậy.
- d. Bà _____ bánh kẹo cho các cháu.

Bài 4. Viết một đoạn văn khoảng 5 câu kể về bố hoặc mẹ của em.

TUẦN 13: CHA MẸ

TẬP ĐỌC “Bông hoa Niềm Vui” (Phỏng theo Xu-khôm-lin-xki)

“Quà của bố” (Theo Duy Khánh)

KỂ CHUYỆN “Bông hoa Niềm Vui”

CHÍNH TẢ Tập chép, nghe – viết

Phân biệt r/d/gi, iê/yê, dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Điền vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

a. **iê** hay **yê**:

- Mẹ em rất h___n lành và tốt bụng.
- Em gọi đ___n rủ Hoa đi sinh nhật Lan.
- Con thu___n trôi như đang nghỉ ngơi trên sông.
- Kho báu của tôi là những tru___n cổ tích hoặc những qu___n tru___n tranh bằng t___ng Anh.

b. **r, d** hay **gi**:

“Chưa ___à mà đã có ___àu

Cái con ___ế suốt đêm thâu hát gì

Không chân con ___ấn vẫn đi

Con sên thích múa, con ve thích gào.”

(Sưu tầm)

Bài 2. Chọn từ hoặc tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a. Dế Mèn và Dế Trũi _____ (rủ/giủ/dủ) nhau đi ngao du thiên hạ.
- b. Chị tôi _____ (giành/dành/rành) được giải Nhất trong cuộc thi Viết chữ đẹp.
- c. Chiếc ví _____ (da/gia/ra) này rất đẹp!
- d. Bạn Hoa đọc bài to, rõ _____ (ràng/giàng/dàng).
- e. Bà cụ bán món bánh _____ (dò/giò/rò).

Bài 3. Gạch dưới các từ viết sai chính tả rồi sửa lại:

“Dó còn lượn trên cao _____

Vượt sông rài biển rộng _____

Công nước làm mưa dào _____

Cho xanh tươi đồng giuộng.” _____

Bài 4. Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã thích hợp vào chữ in đậm:

- Cá heo sinh con và nuôi con bằng **sữa**. Nó khôn hơn **ca** chó, **khi**. Có **thê** dạy nó canh gác bờ **biên**, **dân** tàu thuyền vào các **cang**, sẵn lòng thuyền giặc.
- Nhưng tang** mây màu tro kết đặc quánh lách qua lưng núi.
- Khe suối **trơ** thành dòng **chay môi** lúc một mau, nước **môi** lúc một dâng cao.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về công việc gia đình)

Câu kiểu “Ai làm gì?”

I. Kiến thức

Câu kiểu “Ai làm gì?” dùng để nói về hoạt động của người hoặc con vật.

- Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai?” thường là từ chỉ người hoặc con vật (bộ phận chính thứ nhất – BPCT1).
- Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Làm gì?” thường nêu hoạt động của người hoặc vật (bộ phận chính thứ hai – BPCT2).

Ví dụ:

(BPCT1) – Ai (cái gì/con gì)?	(BPCT2) – Làm gì?
Các em học sinh	đang nghe cô giáo giảng bài.
Đàn ong	rủ nhau đi tìm hoa làm mật.

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu kiểu “Ai làm gì?” trong các câu sau:

- Cả nhà gấu đi bẻ măng.
- Sách vở là người bạn đồng hành của em.
- Hoa cải vàng xụp trên đất bãi.
- Trên cao, đại bàng dang đôi cánh rộng chao liệng nhẹ nhàng.

Bài 2. Tìm bộ phận trả lời câu hỏi “Ai?” và bộ phận trả lời câu hỏi “Làm gì?” trong các câu theo mẫu:

M: “Chi / nâng em bé đây.”

Ai làm gì?

a. Anh dõ dành em bé.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Bà chia quà cho các cháu.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Huy nhường đồ chơi cho em Hoàng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. An và Bình đang chơi cờ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Dùng dấu gạch chéo (/) để ngăn cách bộ phận trả lời câu hỏi "Ai (cái gì, con gì)?" và bộ phận trả lời câu hỏi "Làm gì?" trong các câu sau:

- a. Ông mặt trời xuống núi đi ngủ.
- b. Đàn kiến đang tha mồi về tổ.
- c. Bác nông dân khẩn trương thu hoạch lúa.
- d. Bé Mai chạy nhảy trên sân trường.

Bài 4. Thêm từ ngữ thích hợp để được các câu kiểu "Ai làm gì?":

a. "Bác sĩ..."

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. "Chú chim..."

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Gạch dưới các từ ngữ chỉ công việc bạn nhỏ làm giúp bà trong đoạn văn sau:

"Hôm nay bà đau lưng, không dậy được như mọi ngày. Em trở dậy mới biết mọi công việc còn nguyên. Em làm dần từng việc: quét nhà, thả gà, cho lợn ăn. Mặt trời vừa lên cao, nắng bắt đầu chói chang, em phơi quần áo, rải rơm ra sân phơi. Xong việc ngoài sân, em vào nhóm bếp, nấu cháo cho bà. Mùi rơm cháy thơm thơm. Em thấy trong lòng xôn xao một niềm vui."

PHIẾU CUỐI TUẦN 13

I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Sinh nhật mẹ

“Sinh nhật của mẹ đến rồi, Hoàng cứ băn khoăn suy nghĩ nên tặng món quà như thế nào cho mẹ đây. Cuối cùng, Hoàng cũng quyết định tự mình làm một món quà tặng mẹ.

Cậu bé lấy một bìa cứng, gấp thành hình dạng tấm thiệp, dùng kéo cắt một tờ giấy màu vàng thành hình chiếc lăng hoa, dán trên mặt tấm thiệp. Sau đó, cậu bé lại cắt các loại giấy nhiều màu sắc thành những bông hoa sặc sỡ, cẩn thận dán lên xung quanh lăng hoa. Như vậy, một tấm thiệp với lăng hoa có những bông hoa xinh đẹp đã được hoàn thành.

Nhưng, nên viết chữ gì tặng mẹ nhỉ? Hoàng suy nghĩ một lát, lấy bút ra, nắn nót, viết chữ trên tấm thiệp: “Mẹ yêu quý của con, chúc mẹ sinh nhật vui vẻ, chúc mẹ luôn đẹp như lăng hoa đựng đầy bông hoa này.”

(Theo 1001 chuyện kể cho em nghe – Mùa đông)

1. Hoàng đã tự tay làm món quà gì tặng sinh nhật mẹ?
 - a. cắm một lăng hoa
 - b. làm một tấm thiệp khổng lồ
 - c. làm một tấm thiệp có lăng hoa
2. Hoàng đã viết gì lên tấm thiệp để tặng mẹ?
 - a. “Chúc mừng sinh nhật mẹ yêu của con.”
 - b. “Mẹ yêu quý của con, chúc mẹ sinh nhật vui vẻ, chúc mẹ luôn đẹp như lăng hoa đựng đầy bông hoa này.”
 - c. “Chúc mẹ luôn đẹp như lăng hoa đựng đầy bông hoa này.”
3. Món quà sinh nhật tặng mẹ thể hiện tình cảm gì của Hoàng với mẹ?
 - a. tôn trọng
 - b. yêu thương
 - c. nhớ thương
4. Theo em, mẹ Hoàng có thích món quà này không? Vì sao?

II. Bài tập

Bài 1. Đặt câu để phân biệt các từ trong mỗi cặp từ sau:

a. ru – du

b. giã – giả

Bài 2. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu hoàn chỉnh (viết hoa đầu câu):

a. đang / bố mẹ / chuẩn bị / em / bữa cơm tối / . /

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. vất vèo / các em bé / trên / ngôi / lưng trâu / . /

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. công viên / em bé / cùng / đi / mẹ / . /

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Gạch một gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi "Ai?", hai gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi "Làm gì?":

- a. Mấy chú gà đang mài mê nhặt thóc.
- b. Ngoài đồng, con trâu đang gặm cỏ.
- c. Chúng em ngồi dưới gốc cây phượng vĩ.
- d. Sáng sớm, bà con nông dân đã kéo nhau ra đồng gặt lúa.

Bài 4. Điền dấu chấm, dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong đoạn trích sau và viết hoa đầu câu:

“Những ngôi sao hình như đã nghe Tí Sún nói chúng nháy mắt tinh nghịch đêm ấy Tí Sún mơ có chú cò lén gắp mấy vì sao thả xuống mặt hồ lấp lánh.”

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 2)

Bài 1. Điền **d, r** hay **gi** vào chỗ trống thích hợp:

“Trường của em be bé

Nằm lặng ____ ữa ____ ùng cây

Cô ____ áo em tre trẻ

____ ạy em hát ____ ất hay.”

(Theo Hoàng Minh Chính)

Bài 2. Nối cột A với cột B cho thích hợp để được câu kiểu “Ai làm gì?”:

A
1. Chú chim
2. Mẹ
3. Các bạn học sinh
4. Cô giáo

B
a. đưa em về quê thăm bà ngoại.
b. đang vui chơi trên sân trường.
c. giảng bài cho cả lớp.
d. đang bay trên bầu trời.

Bài 3. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy thích hợp vào (). Gạch một gạch dưới các từ chỉ sự vật, hai gạch dưới các từ chỉ hoạt động có trong đoạn trích.

“Bao tháng () bao năm () mẹ bế anh em chúng con trên đôi tay mềm mại ấy! Cơm chúng con ăn () tay mẹ nấu; nước chúng con uống () tay mẹ xách () mẹ đun () trời nóng () gió từ tay mẹ đưa chúng con vào giấc ngủ ()”

Bài 4. Điền vào những chữ in đậm dấu hỏi hay dấu ngã thích hợp:

“Cái trống trường em

Buồn không **hả** trống

Mùa hè **cung nghi**

Trong **nhưng** ngày hè

Suốt ba tháng liền

Bọn mình đi vắng

Trống nằm **ngâm nghi**.

Chi còn tiếng ve?”

(Theo Thanh Hào)

Bài 5. Viết câu nói về tác dụng của các đồ dùng học tập sau:

– bút chì

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– thước kẻ

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 6. Điền “không biết ... đâu”, “có biết ... đâu”, “đâu có biết” vào chỗ trống để được những câu có nghĩa giống nhau:

- a. Cu Tí _____ bỏ rác vào thùng _____.
- b. Cu Tí _____ bỏ rác vào thùng _____.
- c. Cu Tí _____ bỏ rác vào thùng _____.

Bài 7. Viết các câu trả lời (theo mẫu):

- M: “Em có thích đi tham quan không?
Có, em rất thích đi tham quan.
Không, em không thích đi tham quan.”

a. Em có thích học võ không?

b. Các em có thích làm việc nhóm không?

Bài 8. Viết 2 câu khác có nghĩa giống câu đã cho:

Em không thích đi leo núi.

Bài 9. Sắp xếp các câu sau thành một đoạn văn:

- a. Tuấn thấy vậy liền khuyên bạn không nên hái hoa bẻ cành, vì như vậy là không biết bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.
- b. Thấy một bông hoa đẹp, Lan đưa tay định hái bông hoa.
- c. Lan và các bạn cùng vào vườn hoa chơi.
- d. Lan nghe theo lời bạn, không bao giờ hái hoa nữa.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TUẦN 14: ANH EM

TẬP ĐỌC "Câu chuyện bó đũa" (Theo Ngụ ngôn Việt Nam)

"Nhắn tin"

KỂ CHUYỆN "Câu chuyện bó đũa"

CHÍNH TẢ Tập chép, nghe – viết

Phân biệt l/n, i/iê, ăt/ăc

Bài 1. Gạch dưới tiếng viết sai chính tả trong mỗi câu sau và sửa lại:

- a. Huy học tập rất tín bộ. _____
- b. Các bạn lớp 2A4 đã có nhiều kỉ niệm đẹp với nhau. _____
- c. Bạn Ngọc đã tiêm hiểu và sưu tầm nhiều bài toán hay. _____
- d. Bệnh vịn là nơi khám chữa bệnh cho mọi người. _____
- e. Mùa xuân là mùa đầu tin của một năm. _____

Bài 2. Điền vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

a. ăt hay ăc:

"Mưa thu bay nhẹ hạt
Lúa thu nhuộm s____ vàng
Cánh đồng thơm mùi cốm
Đón mùa g____ mới sang."

(Theo Nhược Thủy)

b. i hay iê:

"Vì sao khi quả ch____n
Lại ngọt ngào hương thơm
Quả đánh t____ng mười phương
Mời ch____m về múa hát."

(Theo Phạm Đình Ân)

Bài 3. Điền l hay n thích hợp vào chỗ trống:

- a. ____ăm ____ay, Mai ____ên tám tuổi. Mai chăm ____o ____uyện chữ, viết thật ____ắn
____ót, không sai ____ổi ____ào.
- b. "Cả ____óp im ____ặng ____ắng nghe. Được một ____úc, tiếng xì xào ____ổi ____ên vì
các em không nghe thấy mẫu giấy ____ói gì cả."
- c. "Một cây ____àm chẳng ____ên ____on
Ba cây chụm ____ại, ____ên hòn ____úi cao."
- d. "____ời ____ói chẳng mất tiền mua
____ưa ____ời mà ____ói cho vừa ____òng nhau."

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về tình cảm gia đình)

Câu kiểu “Ai làm gì?”

Dấu chấm, dấu chấm hỏi

Bài 1. Gạch dưới các từ ngữ chỉ tình cảm bà cháu trong đoạn văn sau:

“Bà nội bé Lan đã già lắm rồi. Tóc bà đã bạc trắng. Khi đi, bà phải chống gậy. Lan yêu quý bà lắm. Bà cũng rất yêu quý Lan. Mỗi khi đi học về, Lan thường đọc thơ, kể chuyện ở trường, ở lớp cho bà nghe. Bà ôm Lan vào lòng mỉm cười, âu yếm nói: “Cháu của bà ngoan quá!”.”

(Theo Mai Thị Huệ)

Bài 2. Tìm các từ chỉ tình cảm giữa những người thân trong gia đình, đặt câu với từ đó:

a. Tình cảm của cháu với ông bà _____

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Tình cảm của anh trai với em gái _____

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Tình cảm của em với anh chị _____

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Tình cảm của bố mẹ với con cái _____

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Viết tiếp vào chỗ trống để tạo câu kiểu “Ai làm gì?”:

a. Chú mèo con...

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Gà mẹ và cả đàn gà con...

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Dùng câu kiểu “Ai làm gì?” để kể lại hành động của những nhân vật trong các bức tranh sau:



(a) bạn Hùng



(b) chị Mai



(c) bé Bin



(d) bé Hoa

Bài 5. Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Làm gì?” trong các câu sau:

- Cô bé xé mỗi cánh hoa thành nhiều sợi nhỏ.
- Mẹ ôm bé Hoa vào lòng.
- Bà chia quà bánh cho các cháu.
- Bạn Vy đang giúp mẹ làm việc nhà.

TẬP LÀM VĂN Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

Viết tin nhắn

I. Kiến thức

Viết tin nhắn cần ngắn gọn, đủ ý, trình bày được thời gian, sự việc xảy ra, lời nhắn nhủ và xưng tên cuối lời nhắn.

Ví dụ:

“6 giờ chiều, ngày 12-6

Mẹ ơi! Bà ngoại đến chơi. Bà đợi mãi mà mẹ chưa về. Bà dẫn con sang nhà bác Ba chơi. Khoảng 8 giờ tối, bác Ba sẽ đưa con về.

Con: Bảo An”

II. Bài tập

Bài 1. Quan sát tranh, trả lời các câu hỏi:



a. Người mẹ đang làm gì?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Em bé ngủ ở đâu?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Mẹ chăm sóc em bé như thế nào?

Bài 2. Cô hàng xóm nhờ em sang trông hộ em bé để đưa bà đi khám bệnh. Em hãy viết vài câu nhắn lại để bố mẹ biết khi đi làm về.

PHIẾU CUỐI TUẦN 14

I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Một người anh như thế

“Tôi được tặng một chiếc xe đạp rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp xe ra công viên dạo chơi, có một cậu bé cứ quần quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ.

– Chiếc xe này của bạn đấy à? – Cậu bé hỏi.

– Anh trai mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy. – Tôi trả lời, không giấu vẻ tự hào và mãn nguyện.

–Ồ, ước gì tớ... – Cậu bé ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang ước điều gì rồi. Cậu ấy hẳn đang ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói của cậu thật bất ngờ đối với tôi.

– Ước gì tớ có thể trở thành một người anh như thế! – Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm.

Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi đứa em trai nhỏ tàn tật của cậu đang ngồi và nói: “Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn, em nhé!”

(Theo Đăn Clát)

1. Bạn nhỏ trong bài được anh trai tặng gì vào sinh nhật?

- a. một chiếc xe lăn b. một chiếc xe đạp c. một chiếc ô tô

2. Cậu bé ở công viên đã ước điều gì?

- a. Cậu ước ao có được một người anh tặng mình chiếc xe.
b. Cậu ước ao có được một chiếc xe đạp đẹp.
c. Cậu ước có thể trở thành một người anh tốt như anh của bạn nhỏ.

3. Cậu bé đã nói gì với đứa em trai nhỏ tàn tật của mình?

- a. “Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe đạp, em nhé!”
b. “Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn, em nhé!”
c. “Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em một món quà, em nhé!”

4. Câu chuyện trên nói về tình cảm của ai với ai?

- a. tình cảm của anh với em
b. tình cảm của mẹ với con
c. tình cảm của em với anh

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào những từ nói về tình cảm yêu thương giữa anh chị em:

giữ gìn	quét nhà	chiều chuộng	hiếu thảo
hòa thuận	giặt quần áo	tắm rửa	phụng dưỡng
yêu quý	thương yêu	bảo ban	thối cơm
hợp tác	chăm sóc	nhặt rau	kết bạn

Bài 2. Gạch một gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai?”, gạch hai gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Làm gì?”:

- Anh đỡ dành em bé.
- Buổi sáng, bố mẹ đưa bé tới trường với cô giáo và các bạn.
- Lớp 2A4 đang tập thể dục buổi sáng.
- Hằng ngày, bé giúp mẹ dọn dẹp nhà cửa.

Bài 3. Điền dấu câu thích hợp vào () trong đoạn trích sau:

“Cô Mây suốt ngày bay nhón nhơ () rong chơi () Gặp chị Gió, cô hỏi:

- Chị Gió đi đâu mà vội thế ()
- Tôi đang đi rủ các bạn Mây ở khắp nơi về làm mưa đây () Cô có muốn làm mưa không ()
- Làm mưa để làm gì hả chị ()
- Làm mưa cho cây tươi tốt, cho lúa to bông, cho khoai to củ ()”

Bài 4. Sắp đến Giáng Sinh, hãy viết một tin nhắn gửi ông già Nô-en nói về món quà mà em ao ước.

TUẦN 15: ANH EM

TẬP ĐỌC

"Hai anh em" (Phỏng theo La-mác-tin)

"Bé Hoa" (Theo Việt Tâm)

KỂ CHUYỆN

"Hai anh em"

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt s/x, ai/ay, ât/âc

Bài 1. Điền vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

a. **ai** hay **ay**:

Mẹ c____ khăn cho bé

Gió thổi khăn b____ b____

Cái mũi mà sứt sứt

Khăn nhắc bé lau ng____.

(Sưu tầm)

b. **âc** hay **ât**:

– Mưa phùn gió b____ – Đội trời đạp đ____ – Ngủ gà ngủ g____

– "Hai mẹ con bắt được con cá r____ to. Mẹ ra chợ mua gia vị, còn chú chơi trên thềm trông cá. Gió mát, chú chìm vào gi____ ngủ để mèo tha cá đi m____. Bà mẹ về thì cá không còn. Chú bé nhìn thấy gói gia vị trên tay mẹ nên dỗ dành: "Mẹ ơi, ta phải c____ kĩ gói gia vị này để con mèo đáng ghét kia ăn cá m____ ngon. Cho đáng kiếp cái con mèo hư!"

c. **s** hay **x**:

– "Những cành ____ oan khẳng khiu đương trở lá, lại ____ấp buông tỏa ra những tán hoa ____ang ____áng, tím tím. Ngoài kia, rặng râm bụt cũng ____ấp có nụ."

– "Bên bờ rào, giữa đám cỏ dại, có bông cúc trắng. Một chú ____ơn ca ____à ____uống, hót rằng: "Cúc ơi! Cúc ____inh ____ăn làm sao!". Cúc ____ung ____uống khôn tả. Chim véo von mãi rồi mới bay về bầu trời ____anh thăm."

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Từ chỉ đặc điểm

Câu kiểu “Ai thế nào?”

I. Kiến thức**1. Từ chỉ đặc điểm**

Từ chỉ đặc điểm là những từ nêu lên màu sắc, hình dáng, kích thước... của người hoặc vật.

Ví dụ: “to”, “bé”, “nhỏ nhắn”, “xinh xắn”, “đậm”, “nhạt”, ...

2. Câu kiểu “Ai thế nào?”

Ai (cái gì/con gì)	Thế nào?
Nụ cười của chị	thật tươi tắn.
Tiếng cô giáo	trang nghiêm mà ấm áp.
Anh Gọng Vó	đen sạm, gầy và cao.

Câu kiểu “Ai thế nào?” dùng để nói về đặc điểm, tính chất, trạng thái của người hoặc vật.

- Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai (cái gì, con gì)?” thường là từ chỉ sự vật.
- Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Thế nào?” thường là từ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật.

II. Bài tập

Bài 1. Thêm các từ chỉ đặc điểm thích hợp để hoàn thành các câu sau:

- a. Giọng cô giáo giảng bài _____
- b. Tiếng chim hót _____
- c. Bầu trời _____
- d. Bác công nhân làm việc _____
- e. Em là một học sinh _____

Bài 2. Gạch dưới những từ chỉ đặc điểm, tính chất trong đoạn văn sau:

“Mở thúng ra là cả một thế giới dưới nước: cà cuống, niềng niềng đục, niềng niềng cái bò nhộn nhạo. Hoa sen đỏ, nhị sen vàng tỏa hương thơm lừng. Những con cá sộp, cá chuối quẫy tóe nước, mắt thao láo...”

Bài 3. Gạch dưới các từ chỉ đặc điểm, tính chất trong những từ dưới đây. Chọn hai từ trong các từ đã gạch dưới để đặt câu.

mùa xuân, hoa đào, xanh tươi, xanh rờn, hoa mai, xanh biếc, mùa hè,
vàng ươm, hoa phượng vĩ, đỏ rực, hoa cúc, trung thu, mát mẻ, đỏ ối, xanh ngắt

Bài 4. Dùng dấu gạch chéo để tách bộ phận trả lời câu hỏi “Ai (cái gì, con gì)?” và bộ phận trả lời câu hỏi “Thế nào?” trong các câu sau:

- a. Cảnh trên cảnh dưới chi chít những lộc non mơn mớn.
- b. Những tán lá phượng xanh um, mát rượi.
- c. Hoa sữa nhỏ li ti, trắng ngà, thơm ngát.

Bài 5. Gạch một gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Ai (cái gì, con gì)?” và hai gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Thế nào?” trong các câu sau:

- a. Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tấm.
- b. Trong khu rừng nhỏ, Thỏ và Sóc đều rất thông minh, nhanh nhẹn.
- c. Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá.
- d. Bé Bông nhỏ nhắn, dễ thương.

Bài 6. Gạch một gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Ai (cái gì, con gì)?”, hai gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Là gì?”, “Làm gì?”, “Thế nào?”:

“(1) Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. (2) Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. (3) Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. (4) Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. (5) Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng.”

Tìm trong đoạn văn trên:

- Câu viết theo mẫu “Ai là gì?”: _____
- Câu viết theo mẫu “Ai làm gì?”: _____
- Câu viết theo mẫu “Ai thế nào?”: _____

TẬP LÀM VĂN Chia vui

Kể về anh chị em

I. Kiến thức**1. Chia vui**

Khi một người có chuyện vui, bạn nói lời chia vui với người đó.

Ví dụ: “Chúc mừng bạn đạt điểm cao trong kì thi vừa qua!”

“Em chúc mừng anh đã đạt giải Nhất.”

2. Kể về anh chị em

Giới thiệu tên tuổi, những đặc điểm về ngoại hình, tính cách của người đó, tình cảm của em với người được kể.

Ví dụ:

“Chị gái của em tên là Minh Thư. Da chị ấy trắng hồng, đôi mắt sáng và nụ cười rất tươi. Chị rất hiền và tốt bụng. Chị Thư học lớp 9, trường Nguyễn Trường Tộ. Năm vừa qua, chị được giải Nhì cuộc thi học sinh giỏi cấp Quận. Em rất yêu và tự hào về chị của mình.”

II. Bài tập

Bài 1. Nói lời chia vui của em trong các trường hợp sau:

a. Ông em đạt giải Nhất trong hội thi “Tuổi già yêu thơ”.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Chị Minh vừa xuất sắc đỗ vào một trường đại học danh tiếng ở Úc.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Bác em vừa mua một căn biệt thự.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

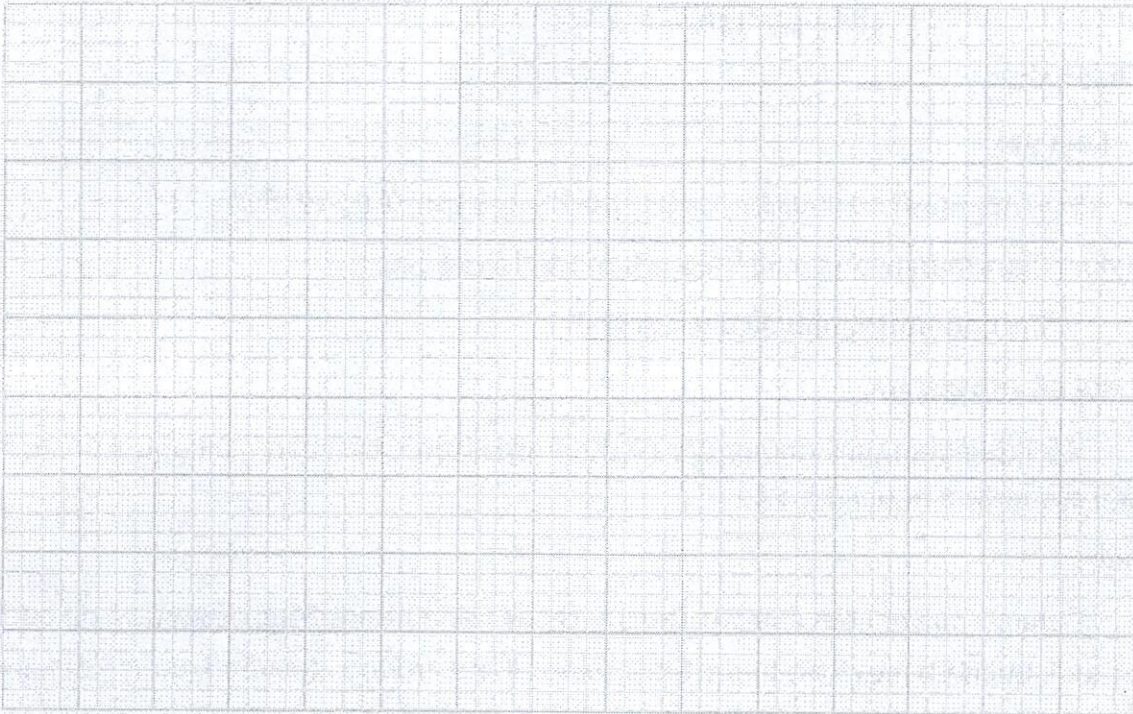
d. Chị gái em vừa được huy chương Vàng trong kỳ thi Toán quốc tế.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

e. Anh trai em nhận được học bổng đi du học ở Mỹ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Viết khoảng 7 câu kể về một người anh (chị, em) họ thân thiết với em.

A large grid of graph paper, consisting of 20 columns and 10 rows of small squares, intended for writing the answer to the question above.

PHIẾU CUỐI TUẦN 15

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Tôi có em rồi

"Tôi là một chú chuột túi bé con. Cả ngày tôi ở trong cái túi ấm áp của mẹ. Thích lắm các bạn ạ!

Một hôm, bố tôi ôm tôi vào lòng và nói:

– Bố báo cho con một tin vui: Con sắp có em đấy! Con có thích không nào?

– Nhưng túi của mẹ chỉ đủ cho một đứa, vậy em bé sẽ ngủ ở đâu hả bố? – Tôi băn khoăn hỏi bố.

– Con đã lớn rồi. – Bố nói với tôi. – Con sẽ nhường chỗ cho em, đúng không, chàng trai?

Tôi không trả lời bố. Vì nghe bố nói thế, tôi không khoái tí nào. Chẳng lẽ từ nay trở đi, tôi sẽ phải nhảy lóc cóc theo mẹ?

Thế rồi em của tôi ra đời. Em nhỏ xíu và rất xinh. Cả nhà tôi vui mừng khôn xiết. Tôi hạnh diện vì mình có một cô em gái. Đi đâu, gặp ai tôi cũng hớn hờ khoe:

– Tôi có em rồi! Tôi có em rồi!"

(Theo Xuân, Hạ, Thu, Đông – 365 ngày kể chuyện)

1. Khi còn bé, chú chuột túi thường ở đâu?

- a. ở dưới gốc cây
- b. ở trong vòng tay của bố
- c. ở trong chiếc túi ấm áp của mẹ

2. Vì sao chuột túi không vui khi được bố báo tin sắp có em?

- a. Vì nó không thích có em.
- b. Vì nó không thích trở thành chàng trai.
- c. Vì nó biết là sẽ không được nằm trong chiếc túi ấm áp của mẹ nữa.

3. Chuột túi cảm thấy như thế nào khi em bé ra đời?

- a. rất hạnh diện vì có em, đi đâu, gặp ai cũng khoe
- b. không thấy khoái tí nào
- c. cảm thấy tủi thân

4. Nhóm nào dưới đây chỉ gồm những từ chỉ đặc điểm?

- a. chuột túi, nhỏ xíu, xinh, dễ thương
- b. ấm áp, nhỏ xíu, xinh, dễ thương
- c. ấm áp, nhỏ xíu, xinh, em bé

5. Câu nào dưới đây thuộc kiểu câu “Ai thế nào?”?

- “Tôi là một chú chuột túi bé con.”
- “Bố ôm tôi vào lòng và báo cho tôi một tin vui.”
- “Em nhỏ xíu và rất xinh.”

II. Bài tập

Bài 1. Điền dấu sắc hoặc dấu nặng thích hợp vào các chữ được in đậm:

“Kêo cà kêo **ket**

Trong **giác** mơ em

Be Giang ngủ rồi

Co gắp con cò

Toc bay phơ **phất**

Lăn lôi bờ sông?

Vương vương **nu** cười.

Co gắp **canh** **bướm**

Mênh mông, mênh mông?”

(Trích “Tiếng vông kêu” – Trần Đăng Khoa)

Bài 2. Gạch dưới các từ chỉ đặc điểm có trong đoạn văn sau:

“Mùa xuân, trên những cành cây mới mọc đầy những lá non xanh biếc. Hoa chanh, hoa bưởi tỏa hương thơm ngát. Những cánh hoa trắng muốt rắc đầy sân. Mùa xuân, tiết trời ấm áp. Những cây rau trong vườn mơn mớn vươn lên đón ánh nắng tươi ấm của mặt trời.”

Bài 3. Điền từ ngữ thích hợp vào ô trống để được câu văn hoàn chỉnh (theo mẫu):

Ai (cái gì, con gì)?	Thế nào?
Đôi mắt của bà nội	hiền từ và ngời sáng.
Giọng nói của mẹ	
Dáng người của bố	

Bài 4. Đặt câu với mỗi từ sau:

a. “xanh mướt”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. “tròn xoe”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Viết một câu kiểu “Ai thế nào?” để tả mái tóc của cô giáo em.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TUẦN 16: BẠN TRONG NHÀ**TẬP ĐỌC**

“Con chó nhà hàng xóm” (Theo Thúy Hà)

“Thời gian biểu”

KỂ CHUYỆN

“Con chó nhà hàng xóm”

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt tr/ch, ui/uy, dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Điền **tr** hay **ch** thích hợp vào chỗ trống:

a.

“Nhà em ___eo ảnh Bác Hồ

Bên ___ên là một lá cờ đỏ tươi.

Ngày ngày Bác mỉm miệng cười

Bác nhìn ___úng ___áu vui ___ơi ___ong nhà

Ngoài sân có mấy con gà

Ngoài vườn có mấy quả na ___ín rồi

Em nghe như Bác dạy lời

___áu ơi đừng có ___ơi bởi đâu xa

___ồng rau, quét bếp, đuổi gà

Thấy tàu bay Mỹ nhớ ra hầm ngói.”

b.

“Cây gì không quả, không hoa

Không cành, không lá, xông pha ___iến ___ường?”

Bài 2. Điền **ui** hay **uy** thích hợp vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

nội q___

que c___

niềm v___

xương t___

t___áo

tr___bài

phá h___

hắt h___

Bài 3. Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã thích hợp vào chữ được in đậm và giải câu đố:“Hè về áo **đo** như son

Hè đi thay lá xanh non mượt mà

Bao nhiêu tay **toa** rộng raNhư **vây** như đón bạn ta đến trường.”

(Là cây gì?) _____

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Từ chỉ tính chất

Câu kiểu "Ai thế nào?"

I. Kiến thức

Từ chỉ tính chất là những từ nói về phẩm chất bên trong của người hoặc vật.

Ví dụ: "tốt", "xấu", "ngoan", "hư", "nông cạn", "sâu sắc",...

II. Bài tập

Bài 1. Chọn từ trong ngoặc điền vào chỗ trống:

(tốt bụng, hiền từ, hiếu thảo, ngoan)

- a. Cô bé rất _____, vâng lời bố mẹ và thầy cô.
- b. Người bà _____ hiện ra, dang tay ôm hai đứa cháu _____ vào lòng.
- c. Na là một cô bé _____ nên ai cũng mến em.

Bài 2. Nối từ ngữ ở cột A với từ chỉ đặc điểm, tính chất ở cột B cho thích hợp:

A
bộ lông của gà trống
tai chó
mắt thỏ
cổ ngỗng

B
dài ngoẵng
sặc sỡ
hồng hồng
rất thính

Bài 3. Tìm ít nhất 3 từ (theo mẫu):

a. Chỉ tính cách, phẩm chất: "hiền", ...

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Chỉ màu sắc: "đỏ", ...

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Chỉ hình dáng: "cao", ...

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Gạch dưới những từ chỉ đặc điểm, tính chất:

chiến đấu, cần cù, lao động, tháo vát, khéo tay, sản xuất, lành nghề, tận tụy,
thông minh, sáng tạo, cày cấy, trồng trọt, nghiên cứu, chăn nuôi,
địu dàng, khiêm tốn, nhanh nhẹn

Bài 5. Gạch dưới những từ chỉ đặc điểm, tính chất trong đoạn văn sau:

“Bây giờ, Hoa đã là chị rồi. Mẹ có thêm em Nụ. Em Nụ môi đỏ hồng, trông yêu
lắm. Em đã lớn lên nhiều. Em ngủ ít hơn trước. Có lúc, mắt em mở to, tròn và đen láy.”

Bài 6. Gạch một gạch dưới từ chỉ hoạt động và hai gạch dưới từ chỉ đặc điểm, tính
chất trong đoạn văn sau:

“Dũng không nói gì, chỉ nhìn em cười cười. Ly chợt hiểu. Cô bé nghĩ đến
những buổi sáng trong suốt cả tuần qua, anh Dũng nhin ăn xôi – những gói xôi thơm
phức, ngon lành, có cột dây thun đỏ.”

Bài 7. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo câu hoàn chỉnh:

Ai (cái gì, con gì)?	Thế nào?
Bạn Lan	
	đẹp như hoa.
Nước da của bé Bông	
	đen láy như hạt nhãn.
Bộ lông của gà trống	

TẬP LÀM VĂN Khen ngợi
Kể ngắn về con vật
Lập thời gian biểu

I. Kiến thức

1. Kể ngắn về con vật

Giới thiệu tên (nếu có), đặc điểm bên ngoài, hoạt động chính của con vật; tình
cảm của em đối với con vật đó.

Ví dụ: “Nhà em nuôi một chú Cún con rất ngoan. Bộ lông của chú màu vàng, đôi mắt
to tròn, cái mũi ướt ướt. Buổi tối, chú thường trông nhà cho mọi người ngủ ngon. Em
rất yêu quý Cún con.”

2. Cách nói lời khen ngợi

- Dùng lời khen khi thấy một việc làm tốt, một cử chỉ đẹp...
- Lời khen phải chân thành, phù hợp hoàn cảnh.

3. Cách lập thời gian biểu

- Lập thời gian biểu là sắp xếp các việc cần làm theo trình tự thời gian cho khoa học và hợp lí.
- Lập thời gian biểu rất cần thiết để làm việc và sử dụng thời gian một cách hiệu quả.

II. Bài tập

Bài 1. Viết câu để tỏ ý khen trong mỗi trường hợp sau (theo mẫu):

M: Không khí ở công viên rất trong lành.

=> "Không khí trong lành quá!"

a. Em đến nhà Hoa chơi, thấy nhà bạn rất sạch và đẹp.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Ngôi nhà mới xây rất cao và hiện đại.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi:

"Nhà em có nuôi một chú mèo rất đáng yêu. Tên của chú là Misa. Chú có bộ lông mềm mại, điểm những đốm vàng và nâu nhạt. Đôi mắt xanh của Misa long lanh như hai viên bi thủy tinh. Chú bắt chuột rất giỏi. Mỗi khi em đi học về, chú thường chạy ríu rít bên em. Em rất yêu quý chú mèo Misa của nhà mình."

a. Đoạn văn tả những bộ phận nào của chú mèo Misa?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Đoạn văn tả hoạt động nào của chú mèo Misa?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Tình cảm của bạn nhỏ với chú mèo Misa thế nào?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

PHIẾU CUỐI TUẦN 16

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Bầy voi

“Trước đây, trên những cánh rừng Trường Sơn, voi sống thành từng bầy rất đông.

Các thành viên trong bầy voi luôn quan tâm, chăm sóc nhau. Voi con mới sinh được các voi khác luôn bên cạnh bảo vệ cho tới khi đủ cứng cáp để tự bảo vệ mình. Voi con bú sữa mẹ trong vòng năm năm. Voi mẹ dành rất nhiều năm để chăm sóc con.

Voi là loài vật có nghĩa. Chúng biết biểu lộ nỗi buồn, lòng thương mến chẳng khác gì con người. Một con đau yếu thì cả bầy biếng ăn, ngơ ngác. Một con sa bầy thì cả bầy tìm cách cứu giúp, dù có vì thế mà phải chịu đói khát hoặc ngừng dờ chuyển đi.

Voi rất thông minh. Với khối lượng gần 5kg, não của voi lớn hơn bất kì loài nào khác. Những con voi được thuần hóa có thể chơi nhạc cụ, có năng khiếu hội họa và sử dụng khéo léo các công cụ khác nhau.

Ở vùng Tây Nguyên, voi là vật nuôi có ích và rất thân thiện với con người. Chúng làm được các việc như kéo gỗ, kéo cày và biểu diễn trong các lễ hội.”

(Theo Vũ Hùng)

1. Voi sống như thế nào?

- a. sống thành từng bầy rất đông
- b. sống thành từng gia đình nhỏ gồm voi bố, voi mẹ và voi con
- c. sống thành từng gia đình nhỏ gồm voi mẹ và voi con

2. Voi đối xử với nhau như thế nào?

- a. Chúng ít quan tâm đến nhau dù sống bên nhau nhiều năm.
- b. Chúng sống cùng nhau, chăm sóc nhau trong vòng năm năm.
- c. Chúng quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và bảo vệ nhau.

3. Ở vùng Tây Nguyên, voi được huấn luyện có thể làm những việc gì?

- a. vẽ tranh
- b. kéo gỗ, kéo cày và biểu diễn trong các lễ hội
- c. chơi các loại nhạc cụ của Tây Nguyên

PHIẾU ÔN SỐ 4

I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Chó cứu hoả

“Khi hoả hoạn xảy ra, nhiều trường hợp có những em nhỏ vẫn kẹt lại trong ngôi nhà cháy. Cứu các em rất khó vì khi lửa bùng lên, các em sợ hãi nên thường nấp vào chỗ kín. Khói lửa mịt mù, khó biết các em đang ở đâu. Vì vậy, chó được huấn luyện để làm nhiệm vụ cứu người khi hoả hoạn.

Bốp là một chú chó nổi tiếng vì đã cứu được 12 em nhỏ trong đám cháy.

Một lần, khi lính cứu hoả đến, một phụ nữ lao ra, hét lên là trong nhà vẫn còn đứa con gái nhỏ. Lập tức, Bốp được thả. Nó phóng vào ngôi nhà đang cháy, chỉ ít phút đã kéo áo, lôi cô bé ra. Bà mẹ lao tới, ôm lấy con. Bốp lại phóng vào nhà. Mọi người nghĩ là trong đó vẫn còn ai. Ít phút sau, người ta thấy Bốp lôi ra một con búp bê.”

(Theo Nguyễn Hữu Chinh)

1. Vì sao rất khó cứu các em nhỏ khi hoả hoạn?
 - a. Vì các em không chạy được trong khói lửa.
 - b. Vì các em thường lo cứu búp bê, đồ chơi.
 - c. Vì các em thường sợ hãi, nấp vào chỗ kín.
2. Bốp đã cứu cô bé trong truyện này như thế nào?
 - a. phóng vào ngôi nhà cháy, chỉ ít phút đã kéo áo, lôi cô bé ra
 - b. phóng vào ngôi nhà lần thứ hai mới cứu được cô bé
 - c. kéo búp bê ra, rồi vào cứu cô bé
3. Câu chuyện cho biết điều gì thú vị ở chú chó Bốp?
 - a. Bốp tưởng cô bé là búp bê.
 - b. Bốp tưởng búp bê cũng là người cần cứu.
 - c. Bốp ngoạm áo cô bé, lôi cô ra.
4. Câu nào dưới đây thuộc câu kiểu “Ai làm gì?”?
 - a. “Bốp rất thông minh.”
 - b. “Bốp là một chú chó nổi tiếng.”
 - c. “Bà mẹ lao ra từ ngôi nhà cháy.”
5. Viết một câu kiểu “Ai thế nào?” để nói về chú chó Bốp.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TUẦN 17: BẠN TRONG NHÀ**TẬP ĐỌC**

"Tìm ngọc" (Theo Nguyễn Đồng Chi)

"Gà "tỉ tê" với gà" (Theo Lê Quang Long, Nguyễn Thị Thanh Huyền)

KỂ CHUYỆN

"Tìm ngọc"

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt r/d/gi, ui/uy, et/ec, ao/au

Bài 1. Điền vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):a. **r, d** hay **gi**:

"Đã có ai lắng nghe

Đã có ai ____ây sớm

Tiếng mưa trong ____ừng cọ

Nhìn lên ____ừng cọ tươi

Như tiếng thác ____ội về

Lá xoè từng tia nắng

Như ào ào trận ____ó

____ống hệt như mặt trời."

b. **et** hay **ec**:

"Lợn kêu eng ____

Sấm s____vang trời

Mưa rơi l____đ ____

Gió về rong chơi."

c. **ao** hay **au**:

– Hương c____ thoảng qua.

– Những anh ch____ m____ đóm đáng.

d. **ui** hay **uy**:

v____ về

t____ xách

tàu th____

h____ hiệu

l____ tre

tr____ tìm

ngọn n____

hắt h____

Bài 2. Tìm từ có tiếng chứa **r, d** hay **gi** có nghĩa như sau:

a. Chỉ những người tuổi cao, sức yếu

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Làm dính lại bằng hồ

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Dùng nước làm cho sạch

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

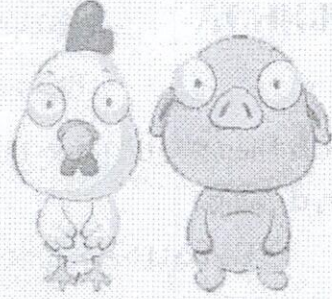
LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về vật nuôi)

Câu kiểu "Ai thế nào?"

Bài 1. Gạch dưới từ chỉ vật nuôi có trong bài đồng dao:

Vè vật nuôi

"Ve ve ve ve...	Ủn ỉn sau trước
Nghe vè loài vật.	Là cô lợn sề,
Chúng tôi đúng thật,	Xoay ổ cổ kề
Sống trong gia đình.	Là cô gà mái
Bắt chuột tài tình,	Giúp người dậy sớm
Anh em mèo mướp.	Là anh trống choai."



Bài 2. Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu:

"(1) Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim. (2) Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tăm. (3) Thế mà hai cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cứ liên liến. (4) Hai chiếc cánh nhỏ xíu. (5) Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. (6) Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại."

(Theo Tô Hoài)

a. Các câu kiểu "Ai thế nào?" trong đoạn văn trên là: _____

b. Gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi "Ai (cái gì, con gì)?" và 2 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi "Thế nào?" trong các câu vừa tìm được ở phần a.

Bài 3. Đánh dấu x vào câu kiểu "Ai thế nào?" trong các câu sau:

a. Em Nụ cứ nhìn Hoa mãi.	
b. Em Nụ ngoan lắm.	
c. Búp bê làm việc suốt ngày, hết quét nhà lại rửa bát, nấu cơm.	
d. Hương sen thơm ngào ngạt khắp mặt đầm.	
e. Chi cùng bố đến trường cảm ơn cô giáo.	
f. Bầu trời cao và xanh trong.	

Bài 4. Nối cột A với cột B cho thích hợp để tạo những hình ảnh so sánh:

A
đỏ
vàng
trắng
khỏe

B
như nghệ
như tuyết
như voi
như sơn

Bài 5. Gạch dưới câu không thuộc câu kiểu “Ai thế nào?” trong đoạn văn sau:

“Nhà em nuôi một cô gà mái. Cô nàng có bộ lông vàng sẫm rất đẹp. Cặp chân cô ta to, có những móng sắc để bới đất tìm mồi. Cái mỏ đỏ tươi, xinh xắn và rất ưa mắt.”

Bài 6. Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Thế nào?” của các câu trong đoạn sau:

“Chú chim bồ câu chỉ to bằng cái bắp chuối bé. Bộ lông của chú màu xám pha xanh lục. Đôi mắt chú có màu đen và được viền một đường tròn đỏ. Hai cánh bồ câu úp dài theo thân và che kín hai bên sườn.”

Bài 7. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Bốn chân của thỏ nhỏ mà chạy nhanh thoăn thoắt.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Mắt chú mèo tròn như hai hòn bi ve.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Hoa hồng và hoa lan đều rất đẹp và rất thơm.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Trời mùa thu mát mẻ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

e. Ngọn núi cao chót vót.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TẬP LÀM VĂN Ngạc nhiên, thích thú

Lập thời gian biểu

I. Kiến thức

- Chúng ta thường thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú khi thấy điều gì mới lạ, hấp dẫn hoặc một mong ước nào đó trở thành sự thật.
- Thời gian biểu bao gồm: Thời gian và công việc (hoặc hoạt động) tương ứng với thời gian đó.

II. Bài tập

Bài 1. Viết lời thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú của em trong các trường hợp sau:

a. Mẹ mua cho em quyển sách mới rất đẹp.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Bố mua cho em rất nhiều đồ chơi đẹp.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Em được ngắm cảnh trong lòng biển có rất nhiều loài cá, san hô đẹp mắt.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Viết câu thích hợp để bày tỏ sự ngạc nhiên, thích thú trong các trường hợp sau:

a. Em được bố mẹ cho đi tắm biển vào dịp hè.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Buổi sáng ra vườn, em nhìn thấy cây hoa hồng đã nở hoa rực rỡ dưới nắng mai. Em reo lên sung sướng và báo cho mẹ biết.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Hưng đồng ý cho em tham gia nhóm “Bảy sắc cầu vồng” của bạn để tập văn nghệ. Em sẽ nói gì với Hưng?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Dựa vào đoạn văn sau, hãy viết lại thời gian biểu của bạn Thu:

“Khi chuông báo thức đồng hồ reo vang 6 giờ 30 phút, Thu vùng dậy, hít một hơi thật sâu, sau đó tập thể dục rồi đánh răng, rửa mặt. 15 phút sau, em vào bếp, mẹ Trang đã chuẩn bị cho em một bữa ăn sáng ngon lành. 7 giờ, em thay quần áo để đi học. Mẹ Trang chở em đến trường mất 15 phút. Thu học lớp 2A8, hôm nay em cùng các bạn trong tổ 1 trực nhật. 7 giờ 30 phút, cô giáo bước vào lớp, cô khen lớp học hôm nay rất sạch. Khi chuông reo 8 giờ đúng, cả lớp bắt đầu học tiết 1.”

Thứ tự	Thời gian	Công việc
1		
2		
3		
4		
5		
6		

PHIẾU CUỐI TUẦN 17

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Con mèo Hung

“Meo, meo...”. Đấy, chú bạn mới của tôi lại đến chơi với tôi đấy.

Chà, nó có bộ lông mới đẹp làm sao! Màu lông hung hung có sắc vằn đo đỏ, rất đúng với cái tên mà tôi đặt cho nó. Mèo Hung có cái đầu tròn tròn, hai tai dong dong dựng đứng rất thính nhạy. Đôi mắt mèo Hung hiền lành nhưng ban đêm đôi mắt ấy sáng lên giúp mèo nhìn rõ mọi vật. Bộ ria mép vểnh lên có vẻ oai lắm; bốn chân thì thon thon, bước đi một cách nhẹ nhàng như lướt trên mặt đất. Cái đuôi dài trông thướt tha, duyên dáng. Mèo Hung trông thật đáng yêu...”

(Theo Hoàng Đức Hải)

1. Bộ lông của mèo Hung được miêu tả như thế nào?

- a. rất mượt mà và sặc sỡ
- b. rất đẹp, màu hung hung có sắc vằn đo đỏ
- c. lông mịn, mượt mà, trắng như bông

2. Mèo Hung có đôi mắt như thế nào?

- a. rất hiền và sáng lên trong đêm tối, giúp mèo nhìn rõ mọi vật
- b. tròn như hòn bi ve
- c. cả a và b đều đúng

3. Câu “Đôi mắt mèo Hung hiền lành.” thuộc kiểu câu gì?

- a. Ai là gì?
- b. Ai làm gì?
- c. Ai thế nào?

4. Đoạn trích trên có mấy câu được viết theo kiểu câu “Ai thế nào?”?

- a. 6 câu
- b. 7 câu
- c. 8 câu

II. Bài tập

Bài 1. Tìm tên các con vật thích hợp để điền vào chỗ trống:

Khỏe như _____

Nhanh như _____

Chậm như _____

Hồi như _____

Bài 2. Nối ô bên trái với ô bên phải để có các câu so sánh thích hợp:

1. Bộ lông của chú mèo
2. Hai mắt của mèo
3. Đôi tai thỏ
4. Cái mỏ của chú gà trống

a. đỏ như bông hoa mười giờ.
b. vểnh lên như hai dấu hỏi ngộ nghĩnh.
c. tròn xoe như hai hòn bi ve.
d. mềm và mượt như nhung.

Bài 3. Gạch dưới câu kiểu "Ai thế nào?":

a. "Meo! Meo! Meo! Đó là tiếng kêu của chú mèo nhà em đấy. Mắt chú tròn và xanh biếc như hai hòn bi ve. Chú có bộ lông màu vàng pha đen thật đẹp. Hai tai chú mèo nhỏ xíu như hai chiếc lá non. Em rất yêu chú mèo nhà em."

b. "Chú thỏ nhà em có bộ lông trắng muốt. Hai mắt chú tròn xoe trông rất ngộ. Bốn chân chú nhỏ thôi mà chạy nhanh thoăn thoắt. Em đưa cho chú mấy cái lá tươi, chú ăn ngấu nghiến."

Bài 4. Dùng dấu gạch chéo (/) để ngăn cách giữa bộ phận trả lời câu hỏi "Ai (cái gì, con gì)?" và bộ phận trả lời câu hỏi "Thế nào?" trong các câu văn sau:

"Chú gà trống nhà em mới đẹp làm sao! Bộ lông của chú vàng óng, mượt như tơ. Cái mỏ của chú đỏ chót. Cái mỏ như một quả ớt vàng cong cong."

TUẦN 18: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Chim chích bông

“Chích bông là con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim.

Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà hai cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cứ liên liến. Hai chiếc cánh nhỏ xíu. Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại. Thế mà quý lắm đấy. Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt. Nó khéo biết moi những con sâu độc ác nằm bí mật trong những cây mảnh dẻ, ốm yếu.

Chích bông xinh đẹp chẳng những là bạn của trẻ em mà còn là bạn của bà con nông dân.”

(Theo Tô Hoài)

1. Hai chân của chích bông có đặc điểm gì?

2. Thức ăn của chim chích bông được nhắc đến là gì?

3. Chích bông là bạn của những ai?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Ghi lại các câu kiểu “Ai là gì?” có trong đoạn trích trên và gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Ai (cái gì, con gì)?”, gạch 2 gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Là gì?”.

Bài 2. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Bác đưa thư

“Bác đưa thư trao cho Minh một bức thư. Đúng là thư của bố rồi. Minh mừng quýnh. Minh muốn chạy thật nhanh rồi vào nhà với mẹ. Nhưng em chợt thấy bác đưa thư mồ hôi nhễ nhại.

Minh chạy vội vào nhà. Em rót một cốc nước mát lạnh. Hai tay bung ra, em lễ phép mời bác uống.”

(Theo Trần Nguyên Đào)

1. Minh nhận được thư của ai?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. Minh đã làm gì khi thấy bác đưa thư mồ hôi nhễ nhại?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Câu “Bác đưa thư trao cho Minh một bức thư.” thuộc kiểu câu kể nào?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Gạch dưới những từ chỉ hoạt động trong các câu: “Minh chạy vội vào nhà. Em rót một cốc nước mát lạnh. Hai tay bung ra, em lễ phép mời bác uống.”

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong mỗi câu sau:

a. Cô An là bác sĩ của bệnh viện thành phố.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Chiếc cặp sách của Lan thật đẹp.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Lan đang giúp mẹ nấu cơm.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Sắp xếp các từ ngữ sau để tạo thành câu (viết hoa đầu câu):

“rất”, “vui”, “Na”, “bạn bè”, “khi”, “giúp đỡ”, “trong học tập”, “được”

Bài 9. Xếp các câu dưới đây vào kiểu câu cho phù hợp:

- a. Na là một cô bé tốt bụng.
- b. Hươu thật thông minh và nhanh nhẹn.
- c. Chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên.
- d. Những bông hoa lan thật lộng lẫy dưới ánh mặt trời buổi sáng.
- e. Cây vạn tuế là cây mà ông Hà thích nhất trong vườn.
- f. Chú mèo mướp nhà em chạy tung tăng trên sân gạch.
- g. Mẹ của Hà là một người hiền lành, tốt bụng.
- h. Bác Hồng đang chăm sóc vườn rau.

Câu kiểu "Ai là gì?"	Câu kiểu "Ai làm gì?"	Câu kiểu "Ai thế nào?"

Bài 10. Gạch dưới các câu kiểu "Ai thế nào?" trong đoạn trích sau:

"Ôi chào! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. Chú đậu trên một cành lộc vừng ngả dài trên mặt hồ."

(Trích "Con chuồn chuồn nước" – Nguyễn Thế Hội)

Bài 11. Viết một tấm bưu thiếp thể hiện tình cảm của em với người bạn thân.

PHIẾU CUỐI TUẦN 18

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Chú Trống Choai

“Kéc! Ké... ke... e...e!

Các bạn có nghe thấy tiếng gì đó không? Chính là tiếng hát của Trống Choai đấy. Chú ta đang ngất ngưỡng trên đồng củi trước sân kia kìa. Bây giờ đuôi chú đã có dáng cong cong chứ không đuồn đuột như hồi nhỏ nữa. Bộ cánh cũng có duyên lắm rồi. Đôi cánh chưa được cứng cáp, nhưng cũng đủ sức giúp chú phốc một cái nhảy tốt lên đồng củi gọn gàng hơn trước nhiều. Mỗi lần chú ta phốc lên đứng ở cành chanh, dù mới chỉ ở cành thấp thôi, lũ Gà Chiếp em út lại kháo nhỏ với nhau: “Tuyệt! Tuyệt! Tuyệt!” tỏ vẻ thán phục lắm.

Rõ ràng Trống Choai của chúng ta đã hết tuổi bé bỏng thơ ngây. Chú chẳng còn phải quẩn quanh chân mẹ nữa rồi. Chú lớn nhanh như thổi. Mỗi ngày nom chú phổng phao, hoạt bát hơn.”

(Theo Hải Hồ)

1. Chú gà Trống Choai đứng ở đâu để cất tiếng gáy?

- a. Trống Choai đứng trên cây chuối ở góc sân.
- b. Trống Choai đứng ngất ngưỡng trên đồng củi trước sân.
- c. Trống Choai đứng ngất ngưỡng trên cành chanh.

2. Tác giả đã tả những bộ phận nào của gà Trống Choai?

- a. mào, cánh
- b. đôi chân, đuôi
- c. đuôi, cánh

3. Hình dáng chú gà Trống Choai bây giờ khác hồi nhỏ ở những điểm nào?

- a. Đuôi đã có dáng cong cong, cái mào của Trống Choai to hơn trước.
- b. Đuôi Trống Choai đã có dáng cong cong chứ không đuồn đuột như trước nữa, bộ cánh cũng có duyên lắm rồi.
- c. Đôi cánh thẳng, cái mỏ cứng hơn trước.

4. Câu “Chú lớn nhanh như thổi.” thuộc kiểu câu gì?

- a. Ai là gì?
- b. Ai làm gì?
- c. Ai thế nào?

5. Gạch dưới các từ chỉ đặc điểm trong câu sau:

“Bây giờ đuôi chú đã có dáng cong cong chứ không đuồn đuột như hồi nhỏ nữa.”

II. Bài tập

Bài 1. Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a. **l** hay **n**:

“Cũng từ ___ úa ___ ếp sinh ra
Xanh xanh từng hạt, đậm đà quê hương
___ úc ___ àm bánh, ___ úc ___ ấu chè
___ á sen ủ ngát đi về cùng theo.”

b. **ui** hay **uy** (thêm dấu thanh nếu cần):

m___ thuyền l___ tre cái t___ d___ trì
v___ vè thủ q___ que c___ t___ nhiên

Bài 2. Gạch một gạch dưới các từ chỉ sự vật, khoanh vào các từ chỉ đặc điểm:

“Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải, đẹp tươi lạ thường
Nhớ Người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường sồi reo.”

(Tố Hữu)

Bài 3. Điền dấu phẩy hoặc dấu chấm, dấu chấm hỏi vào () cho thích hợp:

“Thấy vẻ mặt buồn rầu của Tún () mẹ hỏi:

– Có chuyện gì thế con ()

– Con đã cố gắng làm việc tốt như cô dặn mà không được () Cả tuần nay khi nào đi học () con cũng để ý nhìn xuống đường () Thế mà () chẳng có ai đánh rơi cái gì cho con nhặt cả ()”

Bài 4. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Chú chim sà xuống trước cửa nhà.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

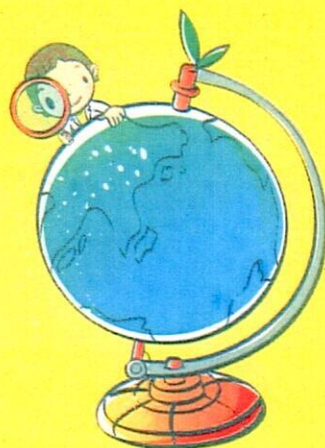
b. Họa mĩ là loài chim có tiếng hót rất hay.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Tiếng sóng biển ri rào như bài ca bất tận của thế giới đại dương.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--





ARCHIMEDES

MẦM NON ARCHIMEDES KIDS

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 098 713 5900

Tiểu học ARCHIMEDES ACADEMY

Trường Công Gia, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 094 396 0166

THCS ARCHIMEDES ACADEMY

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 094 789 7171

TH, THCS & THPT ARCHIMEDES ĐÔNG ANH

Lô 1-F1, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội
ĐT: 039 235 3539